

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 74/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Đồi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1377/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/TB-TA ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1983;
 2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1978;
- Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh L.
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim N, trình bày:

Bà và ông Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh L. Bà N cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ông T ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập bà nên bà và ông T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà N khai bà và ông T có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngân Q, sinh năm 2005 và Trần Thị Như Q, sinh năm 2009. Khi ly hôn, bà N xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Thanh T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông T không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,

Bà Trần Kim N có đơn xin ly hôn với ông Trần Thanh T. Ông T hiện đang cư trú tại ấp C, xã T, Đức Hòa, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bà Trần Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Thanh T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung,

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Kim N và ông Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo thì bà N xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân nhau mà cả hai cũng không có thiện chí hàn gắn. Đối với ông T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại

phiên tòa, ông T cũng vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai cũng không có thiện chí để hàn gắn.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T không còn khả năng hàn gắn nên bà N xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Bà N khai bà và ông T có 02 con chung là các cháu Trần Thị Ngân Q, sinh năm 2005 và Trần Thị Như Q sinh năm 2009. Khi ly hôn, bà N xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T, không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu xin được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Xét thấy, cháu Ngân Q và cháu Như Q đều đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai các cháu có nguyện vọng sống chung với bà N khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có. Đối với ông T không có ý kiến gì phản hồi về tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân với bà N thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3.] Về án phí: Bà Trần Kim N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Kim N

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N được ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. Về con chung: Bà Trần Kim N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu Trần Thị Ngân Q, sinh năm 2005 và cháu Trần Thị Như Q, sinh năm 2009.

Ông Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Trần Kim N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

Buộc bà Trần Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7075 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

đã ký

Văn Công Thức

